

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT ÁP DỤNG CHO
GIAI ĐOẠN 2020 - 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THOẠI SƠN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

I. Giới hạn đô thị: Toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Phú Hoà, Núi Sập và Óc Eo.

II. Giá đất phân theo vị trí, phân loại đường phố:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
A	THỊ TRẤN NÚI SẬP					
I	ĐƯỜNG LOẠI 3					
1	Võ Văn Kiệt	Từ Bãi rác - Kênh ranh Cần Thơ	3	300	360	Tăng giá
2	Tuyến Lộ nhựa Kênh F	Từ 100m - Kênh ranh Cần Thơ	3	300	300	Gộp đoạn: Tuyến kênh F lộ nhựa 2m (Từ 100m vào 200 m) với Tuyến kênh F lộ nhựa 2m (Từ 300m - kênh ranh Cần Thơ) thành Tuyến Lộ nhựa Kênh F (Từ 100m - Kênh ranh Cần Thơ)
			3	250		
3	CDC Bắc Sơn	Các đường trong CDC (Mở rộng giai đoạn 2)	3		600	Bổ sung mới
4	CDC Bắc Sơn (phần mở rộng)	Đường số 6,7	3		600	Bổ sung mới
5	Đường song song Đường Nhà thiếu nhi	Suốt đường	3		800	Bổ sung mới
6	Khu đô thị thị trấn Núi Sập 1, 2	Các đường trong khu đô thị	3		800	Bổ sung mới
7	Tuyến Bờ Tây Kênh Ranh	Võ Văn Kiệt - Kênh F	3		250	Bổ sung mới

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
B	THỊ TRẤN ÓC EO					
I	ĐƯỜNG LOẠI 2					
1	Phan Thanh Giản	Ranh cư xá giáo viên - Phạm Thị Vinh	2	1.500	1.500	Điều chỉnh giới hạn từ đoạn “Ranh cư xá giáo viên - hết ranh đất nhà ông Vĩnh (ông Năm thợ bạc)”
II	ĐƯỜNG LOẠI 3					
2	Phan Thanh Giản	Lâm Thanh Hồng - Cư xá giáo viên	3	1.000	1.000	Điều chỉnh đoạn “Đình Phan Thanh Giản - Cư xá giáo viên”
3	Đường Số 5	Suốt đường	3	1.000	1.000	Điều chỉnh đoạn “Phan Thanh Giản - Hết đường”
4	Đường Số 6	Suốt đường	3	1.000	1.000	Điều chỉnh đoạn “Nhà ông Hồng - Nhà Bà Huế”
5	Đường Số 7	Suốt đường	3	1.000	1.000	Điều chỉnh đoạn “Đốc chợ phía trên - Đường ngang Vành đai”
6	Phan Thanh Giản	Phạm Thị Vinh - Nguyễn Văn Muôn	3	1.000	1.000	Điều chỉnh đoạn “Ranh đất nhà ông Vĩnh (ông Năm thợ bạc) - Nguyễn Văn Muôn (Bệnh viện khu vực Óc Eo)”
C	THỊ TRẤN PHÚ HÒA					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Trần Phú	Ranh Mỹ Hòa - Hết ranh cây xăng Tân Anh	1	3.500	6.500	Gộp đoạn: Trần Phú (Cầu Phú Hòa - Hết ranh cây xăng Tân Anh) với Trần Phú (Ranh Mỹ Hòa - Cầu Phú Hoà)
		6.500				
		Ranh cây xăng Tân Anh - Cầu Mương Trâu	1	2.000	2.000	Chuyển thành đường loại 1
2	Đường số 3 (Chợ mới)	Đường số 7 - Hết đường nhựa	1	2.000	2.000	Chuyển thành tên đường
3	Đường số 4	Trần Phú - Hết	1	3.000	3.000	Chuyển thành tên

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
	(Chợ mới)	đường nhựa				đường
4	Đường số 7 (Chợ mới)	Đường số 2 - Đường số 5	1	2.000	2.000	Điều chỉnh tên đường
5	KDC Sao Mai (GĐ1 + GĐ2)	Các đường trong KDC	1	2.000	2.000	Gộp đoạn: + Đường nội bộ: KDC Công ty Sao Mai (GĐ1) + Đường nội bộ: KDC Công ty Sao Mai (GĐ2)
6	Nguyễn Thị Bạo	Trần Phú - Bến cảng KCN	1	2.100	2.100	Gộp đoạn: Nguyễn Thị Bạo (Nguyễn Thái Bình-Bến cảng KCN) với Nguyễn Thị Bạo (Trần Phú-Nguyễn Thái Bình)
			1	1.800		
II ĐƯỜNG LOẠI 2						
7	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Thái Bình - Cầu Phú Vĩnh	2	1.500	1.500	Điều chỉnh đoạn “Trường Nguyễn Khuyến - Nguyễn Thái Bình”
8	Nguyễn Thái Bình	Suốt đường	2	1.500	1.500	Gộp đoạn: Nguyễn Thái Bình (Nguyễn Thị Bạo-Lê Thị Hồng Gấm-Hết đường nhựa) với Nguyễn Thái Bình (Nguyễn Thị Bạo-Hết đường nhựa về hướng Núi Sập) thành Nguyễn Thái Bình (Suốt đường)
9	Dân cư khu vực chợ cũ	Trần Phú - Mặc Cản Dện	2	1.500	1.500	Điều chỉnh tên: “Dân cư khu vực chợ mới” thành “Dân cư khu vực chợ cũ”
10	Đường Số 2 (Chợ mới)	Trần Phú - Hết đường nhựa	2	1.200	1.200	Điều chỉnh tên đường từ “Đường số 2”
11	Đường Số 5 (Chợ mới)	Trần Phú - Hết đường nhựa	2	1.200	1.200	Điều chỉnh tên đường từ “Đường số 5”

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
12	Đường Số 6 (Chợ mới)	Trần Phú - Hết đường nhựa	2	1.200	1.200	Điều chỉnh tên đường từ “Đường số 6”
13	Đường Chợ cũ (Cặp cầu Phú Hòa)	Trần Phú - Mặc Cần Dện	2	1.200	1.200	Điều chỉnh tên đường từ “Đường Chợ cũ”
14	Phạm Ngọc Thảo	Suốt đường	2	1.500	1.500	Điều chỉnh đoạn “Hết tuyến đường”
15	Đường Trường Nguyễn Khuyến	Trần Phú - bến cảng KCN	2	1.200	1.200	Điều chỉnh đoạn “Trần Phú - Nhà máy An Giang 7 - bến bãi KCN”
16	Đường bê tông cặp kênh Mặc Cần Dện	Nhà trẻ (chợ cũ) - KDC Phú Hữu - Hết ranh thửa 153, tờ BĐ 40	2	1.200	1.200	Điều chỉnh đoạn “Nhà trẻ (chợ cũ) - KDC Phú Hữu - Hết ranh đất ở của ông Ngô Văn Mạnh”
17	CDC Phú Hữu (vốn huyện)	Các đường trong CDC	2	1.500 1.300	1.800	Tăng giá, gộp đoạn: “Đường số 1” và “Các đường còn lại” thành “Các đường trong KDC”
18	CDC Phú Hữu (vượt lũ)	Các đường trong CDC	2	1.200	1.500	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn “Các đường trong KDC (Mở rộng giai đoạn 2) thành Các đường trong CDC”
19	Hồ Thị Kỳ	Nguyễn Thị Bạo - Lê Thị Hồng Gấm	2		1.500	Bổ sung mới
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
20	Đường nhựa 3.5m liên xã cặp kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Bến cảng KCN - Cầu Thanh Niên	3	1.000	1.000	Điều chỉnh đoạn “Bến cảng KCN - Cầu sắt Mương Trâu”

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
21	Đường nhựa liên xã 2m (Kênh Xã đội)	Cầu Xã Đội - Cầu Vương Văn Lập	3	1.000	1.000	Được tách ra từ “Đường nhựa 3.5m liên xã (kênh Mặc Cần Dện - rạch Bờ Ao): Theo quy hoạch trung tâm (cách trung tâm UBND thị trấn 150 mét vào phía trong và theo trục lộ 500 mét sang mỗi bên)”
22	Đường liên xã 3.5m (Rạch Bờ Ao)	Cầu Đình - Ranh Chùa Khánh Hòa	3	1.000	1.000	
23	Bê tông liên xã 2m (kênh Xã Đội)	Cầu Vương Văn Lập - Ranh Phú Thuận	3	200	200	Điều chỉnh đoạn “Cách cầu kênh xã Đội 500m - Ranh Phú Thuận”
24	Nhựa 3,5m liên xã rạch Bờ Ao)	Chùa Khánh Hòa - Ranh Phú Thuận	3	300	300	Điều chỉnh đoạn “Cách cầu kênh xã Đội 500m - Ranh Phú Thuận”
25	Bê tông 2m liên xã (rạch Bờ Ao)	Cầu Phú Hòa - Ranh Phú Thuận	3	300	300	Điều chỉnh đoạn “Kênh Mặc Cần Dện - Ranh Phú Thuận”
26	Kênh Mặc Cần Dện Lớn	Ranh thửa 153, tờ BĐ 40 - Rạch Mương Trâu - Ranh Vĩnh Trạch	3	300	300	Điều chỉnh đoạn “Nhà ông Mạnh - Rạch Mương Trâu - Ranh Vĩnh Trạch”
27	Đường liên xã 3.5m (Kênh Mặc Cần Dện Lớn)	Cầu Đình - Ranh Vĩnh Chánh	3		1.000	Bổ sung mới
28	Đường cấp Công ty Lương thực An Giang	Lê Ánh Xuân - Đường liên xã (Kênh RG-LX)	3		1.000	Bổ sung mới
29	Đường liên xã 2m (Kênh Tư Hẹ)	Kênh Xã Đội - Rạch Bờ Ao	3		200	Bổ sung mới
30	Đường Cấp Trường Tiểu học “A” Phú Hòa	Đường liên xã 3.5m (Kênh Mặc Cần Dện Lớn) - Cầu Vương Văn Lập	3		800	Bổ sung mới

B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
I	Xã An Bình				
1	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:				
	Bê tông 5,5m liên xã (kênh Mỹ Phú Đông)	Cầu Hai Trân - ranh Mỹ Phú Đông	150	150	Điều chỉnh đoạn “Bê tông 2m liên xã (kênh Mỹ Phú Đông) (Cầu Hai Trân - ranh Mỹ Phú Đông)”
	Tuyến bờ Nam Kênh Phú Tuyến 2	Suốt tuyến		150	Bổ sung mới
	Tuyến bờ Bắc Kênh Tân Tuyến	Suốt tuyến		150	Bổ sung mới
	Tuyến bờ Bắc Kênh Vọng Đông 2	Suốt tuyến		150	Bổ sung mới
	Tuyến bờ Bắc Kênh Vọng Đông 2	Cầu đúc ranh An Bình - Vọng Đông - Ranh Mỹ Phú Đông		150	Bổ sung mới
	Tuyến bờ Nam Kênh Núi Trọi	Suốt tuyến		150	Bổ sung mới
	Tuyến bờ Tây Kênh Núi Trọi	Suốt tuyến		150	Bổ sung mới
	Tuyến bờ Nam Kênh Vọng Đông 1	Suốt tuyến		150	Bổ sung mới
	Tuyến bờ Bắc Kênh Vọng Đông 1	Suốt tuyến		150	Bổ sung mới
	Tuyến bờ Bắc Kênh Vành Đai Núi Trọi	Suốt tuyến		150	Bổ sung mới
II	Xã Bình Thành				
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):				
a	Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính xã:				
	Đường tỉnh 960 (tuyến tránh)	Suốt đường	600	600	Điều chỉnh đoạn “Đường tỉnh 960 (tuyến tránh) (Nhà ông Phạm Văn Học - Nhà Ông Dương Văn Phước Hải)”

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
b	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:				
	Bình Thành				
	Đường tỉnh 960	Đoạn giữa hai đầu Đường tỉnh 960 (tuyến tránh)	1.200	1.200	Gộp đoạn từ: “Cây xăng Thanh Nhã - Trung tâm chợ” và “T. tâm chợ - Nhà Ông Trương Phấn Nhỏ”
	Đường Đất (kênh Ba Thê cũ)	Trung tâm chợ - kênh 300	200	350	Tăng giá, điều chỉnh đoạn “Đường Đất (kênh Ba Thê cũ) (Trung tâm chợ - Đất ông Nguyễn Văn Đục chạy dọc theo tuyến kênh Ba Thê cũ)”
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:				
-	Đường tỉnh 960				
+	Ranh Thoại Giang - Đường tỉnh 960 (tuyến nhánh)		856	856	Điều chỉnh đoạn “Ranh Thoại Giang - Cây Xăng Thanh Nhã”, “Nhà ông Trương Phấn Nhỏ - Nhà Ông Huỳnh Văn Thôi” và “Nhà ông Quách Văn Hoàng - Ranh Kiên Giang (kênh Xã Diểu)”
+	Đường tỉnh 960 (tuyến nhánh) - Ranh Kiên Giang		856	856	
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:				
	Đường Bê tông 2m bờ Nam (kênh Ba Thê cũ)	Kênh Rạch Giá Long Xuyên - Kênh Kiên Hào	150	200	Tăng giá
	Đường đất Bờ Bắc (kênh Ba Thê cũ)	Kênh 300 - Ranh Vọng	120	150	Tăng giá

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Đông			
	Đường Nhựa 3,5m bờ Nam (kênh Thoại Giang III)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Kiên Hảo	150	300	Tăng giá
III	Xã Định Mỹ				
1	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:				
	Đường đất (kênh Phèn Đứng)	Kênh áp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	100	100	
	Đường nhựa 5,5m (kênh Định Mỹ 1)	Kênh áp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông	120	120	Điều chỉnh đoạn “Bê tông 2m (k Định Mỹ 1) (Kênh áp chiến lược - Ranh Mỹ Phú Đông)”
IV	Xã Định Thành				
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):				
a	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:				
	Chợ Cũ				
	Các đường cặp nhà lồng chợ	Khu vực chợ	500	500	Điều chỉnh đoạn “Cặp nhà lồng chợ (Khu vực chợ)” và “Dãy sau chợ (Hẻm sau chợ)”
	Các đường còn lại	Khu vực chợ	450	450	
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh 943:				
	Đường tỉnh 943	Ranh Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh - Cầu kênh F (trừ trung tâm xã, chợ kênh H)	300	300	Điều chỉnh đoạn “Đường tỉnh 943 (Ranh Vĩnh Trạch, Vĩnh Khánh - Cầu kênh F (trừ trung tâm xã, chợ kênh H và chợ kênh F))”
V	Xã Mỹ Phú Đông				
1	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp Kênh cấp I:				

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
-	Đường nhựa liên xã 3,5m (Kênh Núi Chóc - Năng Gù)				
+	Kênh Trường Tiền - Kênh Mỹ Phú Đông		150	150	Điều chỉnh đoạn “Kênh Trường Tiền - Nhà ông Bông”
+	Ranh KDC Tân Phú - Kênh Vọng Đông 2		150	150	Điều chỉnh đoạn “Nhà ông Lước - Kênh Vọng Đông 2”
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp Kênh cấp II:				
	Đường đất (Kênh Vọng Đông 2) (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Kênh ranh An Bình)		100	100	Điều chỉnh đoạn “Đường đất (kênh Vọng Đông 2) (Nhà ông 5 Hồng - Kênh ranh An Bình)”
	Kênh Vọng Đông 1 (KDC Tân Đông) (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Hết ranh KDC Tân Đông)		150	150	Điều chỉnh đoạn “Kênh Vọng Đông 1 (KDC Tân Đông) (Kênh Núi Chóc Năng Gù - Ranh đất Ông Võ Công Khanh)”
VI	Xã Phú Thuận				
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):				
a	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:				
-	Kênh Đào				
+	Bê tông 2m (Tiếp giáp nhà lồng chợ (đường số 1, số 3, số 4))		800	800	Điều chỉnh đoạn “Bê tông 2m (Trung tâm Chợ (tiếp giáp nhà lồng chợ (đường số 1, số 4, số 5)))”
+	Bê tông 2m (Các đường còn lại trong chợ (đường số 2, 5))		500	500	Điều chỉnh đoạn “Bê tông 2m (Các đường còn lại trong chợ (đường số 2, 3))”

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:				
-	Đường nhựa liên xã (kênh Đòn Dong)				Điều chỉnh đoạn “Nhựa 3,5m liên xã (kênh Đòn Dong)”
+	Nhựa 5,5m Bờ phía Nam từ ranh Vĩnh Chánh - Ranh Mỹ Thạnh (Long Xuyên) (không tính đoạn TTHC xã)		350	350	
+	Bờ Bắc từ Kênh Xã Đội - Kênh Xáng Mới		300	300	
VII	Xã Thoại Giang				
1	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:				
	Đường tỉnh 960	Cầu Thoại Giang -Ranh Bình Thành	856	856	Gộp đoạn: “Cầu Thoại Giang-Hết ranh đất nhà bà Huê Thị Đành” với “Ranh đất nhà bà Huê Thị Đành - Ranh Bình Thành”
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:				
	Đường nhựa 3m (tiếp giáp kênh Ba Thê Mới)	Nhà máy Kim Hương - Ranh Vọng Đông	250	250	Điều chỉnh đoạn “Đường nhựa 2m (tiếp giáp kênh Ba Thê Mới) (Nhà máy Kim Hương - Ranh Vọng Đông)”
	Đường nhựa 3,5m (tiếp giáp kênh Mỹ Giang)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông	200	200	Điều chỉnh đoạn “Đường nhựa 2m (tiếp giáp kênh Mỹ Giang) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông)”

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
	Đường nhựa (tiếp giáp kênh Thoại Giang 1)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông	100	100	Điều chỉnh đoạn “Đường đất (tiếp giáp kênh Thoại Giang 1) (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Vọng Đông)”
VIII	Xã Vĩnh Khánh				
1	Khu vực 1. đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):				
<i>a</i>	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ xã:				
	<i>Chợ Cũ</i>				
	Bê tông 3,5m liên xã	Nhà ông Phi - Nhà ông Xuyên	2.200	2.200	Điều chỉnh đoạn “Bê tông 3m liên xã (Nhà ông Phi - Nhà ông Xuyên)”
	Khu vực mở rộng				
	Đường nhựa 3m (kênh Đòn Dong)	Nhà ông Răng - Kênh Hậu	1.600	1.600	Điều chỉnh đoạn “Đường đất (kênh Đòn Dong) (Nhà ông Thanh - Kênh Hậu)”
	Đường Bê tông (kênh Hậu)	Kênh Đòn Dong - Hết đất nhà bà Kiều	1.200	1.200	Điều chỉnh đoạn “Đường đất (kênh Hậu) (Kênh Đòn Dong - Hết đất nhà bà Kiều)”
2	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
<i>a</i>	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I:				
	Đường Nhựa 3m (kênh Đòn Dong)	Ranh Vĩnh Chánh - Kênh H	200	200	Điều chỉnh đoạn “Đường Nhựa (kênh Đòn Dong) (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh H)”
<i>b</i>	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:				
	Đường nhựa 3,5m liên xã (kênh Bốn Tổng)	Đường tỉnh 943 - Bưu Điện	300	300	Điều chỉnh đoạn “Bê tông 3m liên xã (kênh Bốn Tổng)”

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
					Tổng) (Đường tỉnh 943 - Bưu Điện)”
	Đường nhựa 3,5m (kênh Bốn Tổng)	Ranh Vĩnh Trạch - Ngang UBND xã (nhà ông Đức)	200	200	Điều chỉnh đoạn “Đường đất liên xã (kênh Bốn Tổng) (Ranh Vĩnh Trạch - Ngang UBND xã (nhà ông Đức))”
	Đường nhựa 3,5m liên xã (Kênh Bốn Tổng)	KDC vượt lũ - Kênh ranh Cần Thơ	250	250	Điều chỉnh đoạn “Bê nhựa 3,5 liên xã (kênh Bốn Tổng) (KDC vượt lũ - Kênh ranh Cần Thơ)”
	Đường nhựa 3,5m liên xã (k. Mặc Cần Dện lớn)	Ranh Vĩnh Chánh - Cầu Xẻo Lách	200	200	Điều chỉnh đoạn “Bê Nhựa 3,5m liên xã (k. Mặc Cần Dện lớn) (Ranh Vĩnh Chánh - Cầu Xẻo Lách)”
	Đường nhựa 3,5m (kênh H)	Kênh Đồn Dong - Ranh Định Thành	100	100	Điều chỉnh đoạn “Đường nhựa 2m (kênh H) (Kênh Đồn Dong - Ranh Định Thành)”
IX	Xã Vĩnh Phú				
1	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:				
	Đường nhựa 3,5 m (kênh Xẻo Sâu, kênh Vĩnh Tây, kênh Xẻo Nín, Ranh Làng)	Kênh Xẻo Nín (Kênh Ba Dầu - Cầu sắt (cổng Xẻo Nín))		150	Bổ sung mới
X	Xã Vọng Đông				
1	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:				

TT	Khu vực	Giới hạn từ.... đến...	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
	Kênh Tổ Mô	Ranh Ốc Eo - Kênh Kiên Hảo	100	100	Tách từ đoạn Kênh Ba Thê Cũ (Ranh Ốc Eo-ranh Bình Thành)
	Kênh Ba Thê Cũ	Kênh Kiên Hảo - Ranh Bình Thành	100	100	
XI	Xã Vọng Thê				
1	Khu vực 2: đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:				
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II:				
	Tuyến Kênh Vọng Đông 2	Kênh Núi Tượng - Kênh Mướp Vắn - Càng Dừa		100	Bổ sung mới
	Đường nhựa Kênh Mướp Vắn - Càng Dừa	Áp Tân Vọng		100	Bổ sung mới
	Tuyến Kênh Tân Tuyền	Kênh Mướp Vắn - Ranh Tri Tôn		100	Bổ sung mới
	Tuyến Kênh Vành Đai - Núi Tượng	Kênh Ba Thê Mới - Kênh Vọng Đông 2		100	Bổ sung mới
	Tuyến Kênh Tân Vọng	Kênh Mướp Vắn - Càng Dừa - Ranh Tri Tôn		100	Bổ sung mới

C. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên xã	Khu vực	Giá đất NQ 16/2019		Giá đất điều chỉnh		Ghi chú
			VT1	VT2	VT1	VT2	
I	Xã Bình Thành						
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:						
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):						
	Đường tỉnh 960 (tuyến đường tránh)	Suốt đường			40	32	Bổ sung mới
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):						
	Đường đất bờ Nam (kênh D)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	48	38	40	32	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với các khu vực lân

TT	Tên xã	Khu vực	Giá đất NQ 16/2019		Giá đất điều chỉnh		Ghi chú
			VT1	VT2	VT1	VT2	
							cận
	Đường bê tông 3m hai bờ (kênh C)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Ranh Cần Thơ	48	38	40	32	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với các khu vực lân cận
	Đường bê tông 3m (kênh B)	Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Giáp ranh với Cần Thơ	48	38	40	32	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với các khu vực lân cận
c	Khu vực còn lại						
	Tiếp giáp kênh cấp III		42		35		Điều chỉnh giảm cho phù hợp với các khu vực lân cận
2	Đất trồng cây lâu năm:						
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):						
	Đường tỉnh 960 (tuyến đường tránh)	Suốt đường			55	44	Bổ sung mới
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):						
	Đường đất bờ Nam (kênh D)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên – giáp ranh Cần Thơ	66	52	55	44	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với các khu vực lân cận
	Đường bê tông 3m hai bờ (kênh C)	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - giáp ranh Cần Thơ	66	52	55	44	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với các khu vực lân cận
	Đường bê tông 3m hai bờ (kênh B)	Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - giáp ranh Cần Thơ	66	52	55	44	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với các khu vực lân cận
c	Khu vực còn lại						
	Tiếp giáp kênh cấp III		48		40		Điều chỉnh giảm cho phù hợp với các

TT	Tên xã	Khu vực	Giá đất NQ 16/2019		Giá đất điều chỉnh		Ghi chú
			VT1	VT2	VT1	VT2	
							khu vực lân cận
II	Xã Vĩnh Chánh						
1	Đất trồng cây lâu năm:						
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>						
	Bê tông 2m liên xã (kênh mặc cần dện nhỏ)	Cầu Đình-Hết đường bê tông	45	36	50	40	Tăng giá
	Đường cấp phối liên xã (kênh mặc cần dện nhỏ)	Cầu Đình-Hết đường bê tông	45	36	50	40	Tăng giá
	Nhựa 3,5 m (kênh Thanh niên)	Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đòn Dong	45	36	50	40	Tăng giá
	Đường đất(kênh Thanh Niên)	Cầu sắt kênh hậu 1- kênh Đòn Dong	45	36	50	40	Tăng giá
	Đường cấp phối (kênh Xã Đội)	Ranh Phú Hòa- kênh Đoàn Dong	40	32	45	36	Tăng giá
	Đường đất (kênh Nông Dân)	Cầu 2A- kênh Đòn Dong	40	32	45	36	Tăng giá
	Đường đất Kênh T5	Cầu kênh T5 - Hết Kênh	40	32	45	36	Tăng giá
	Đường đất (kênh T7)	Cầu kênh T7- ranh Cần Thơ	40	32	45	36	Tăng giá
	Kênh Mặc cần dện lớn	Ranh Phú Hòa- ranh Vĩnh Khánh	45	32	45	36	Tăng giá
III	Xã Vĩnh Khánh						
1	Đất trồng cây lâu năm:						
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>						
	Kênh Trục	Ranh Định Thành - Kênh Đòn Dong	40	32	45	37	Tăng giá
	Kênh Cây Còng	Kênh Đòn Dong - Kênh Cần Thơ	48	38	54	43	Tăng giá
	Kênh Mặc Cần Dện Lớn	Ranh Vĩnh Chánh - kênh Bốn Tổng	40	32	45	37	Tăng giá
IV	Xã Vọng Thê						

TT	Tên xã	Khu vực	Giá đất NQ 16/2019		Giá đất điều chỉnh		Ghi chú
			VT1	VT2	VT1	VT2	
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:						
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>						
	Tuyến Kênh Vọng Đông 2	Kênh Núi Tượng - Kênh Mướp Văn - Cảng Dừa			40	32	Bổ sung mới
	Tuyến Kênh Tân Tuyến	Kênh Mướp Văn - Ranh Tri Tôn			40	32	Bổ sung mới
	Tuyến Kênh Vành Đai - Núi Tượng	Kênh Ba Thê Mới - Kênh Vọng Đông 2			40	32	Bổ sung mới
	Tuyến Kênh Tân Vọng	Kênh Mướp Văn - Cảng Dừa - Ranh Tri Tôn			40	32	Bổ sung mới
2	Đất trồng cây lâu năm:						
<i>a</i>	<i>Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):</i>						
	Tuyến Kênh Vọng Đông 2	Kênh Núi Tượng - Kênh Mướp Văn - Cảng Dừa			45	36	Bổ sung mới
	Tuyến Kênh Tân Tuyến	Kênh Mướp Văn - Ranh Tri Tôn			45	36	
	Tuyến Kênh Vành Đai - Núi Tượng	Kênh Ba Thê Mới - Kênh Vọng Đông 2			45	36	
	Tuyến Kênh Tân Vọng	Kênh Mướp Văn - Cảng Dừa - Ranh Tri Tôn			45	36	